

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2019/DS-ST**

Ngày: 02/10/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ty

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 313/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: số X Hàng A, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn S - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Đỗ Ngọc By - Giám đốc Ngân hàng Đ Chi nhánh B;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Kim K - Phó Giám đốc Phòng giao dịch M thuộc Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh B; Theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2019, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/01/2015, ông Bùi Văn T đã ký Hợp đồng tín dụng số: XYZ với Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh B - Phòng giao dịch huyện M. Hai bên thống nhất việc Ngân hàng TMCP Đ cho ông T vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

- Số tiền cho vay: 34.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Tiêu dùng;
- Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 27/01/2015 đến ngày 27/01/2020);
- Lãi suất cho vay trong hạn: 11,5%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo định kỳ 02 lần/năm vào các ngày 20/5 và 20/11 trên cơ sở số dư nợ vay và lãi suất cho vay hiện hành theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn;

- Ngày 20/5/2016: điều chỉnh lãi suất 12%/năm; ngày 20/5/2017: điều chỉnh lãi suất: 12,2%/năm và ngày 20/11/2018: điều chỉnh lãi suất 12,7%/năm;

- Tài sản thế chấp: Tín chấp (không có tài sản bảo đảm);
- Kế hoạch trả nợ gốc, lãi: 59 kỳ đầu vào ngày 10 hàng tháng với số tiền 570.000 đồng/tháng, kỳ đầu trả vào ngày 10/02/2015, kỳ cuối trả tất nợ vào ngày 27/01/2020 với số tiền 370.000 đồng/tháng, lãi theo dư nợ thực tế.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, ông T không thực hiện đúng theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, vi phạm Điều 4 “Trả nợ gốc và lãi” của Hợp đồng tín dụng, để phát sinh nợ quá hạn tại ngân hàng mặc dù ngân hàng đã nhiều lần thông báo, liên hệ đôn đốc trả nợ, tạo mọi điều kiện nhưng ông T không hợp tác trả nợ. Kể từ tháng 6/ 2017 cho đến nay, ông T chưa thanh toán toàn bộ gốc lãi đến hạn của khoản vay nêu trên.

Nay, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết: Buộc ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 01/10/2019 là: 23.650.784 đồng (tiền gốc 17.470.000 đồng, tiền lãi trong hạn 5.064.732 đồng, tiền lãi quá hạn 1.116.052 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: XYZ ngày 27/01/2015. Đồng thời, kể từ ngày 02/10/2019 ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả tất nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Văn T được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: XYZ ngày 27/01/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Bùi Văn T thể hiện nội dung: Ngân hàng TMCP Đ cho ông T vay số tiền 34.000.000 đồng, mục đích vay là để tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng. Ngân hàng cho rằng ông T đã vi phạm hợp đồng ký kết nên nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán tiền cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Hợp đồng tín dụng được ký kết vào năm 2015, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản)” theo Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền gốc và lãi, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Bùi Văn T có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bùi Văn T theo đúng quy định tại các điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc ông T vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét Hợp đồng tín dụng số: XYZ ngày 27/01/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Bùi Văn T đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Đ được số tiền gốc là 16.530.000 đồng và tiền lãi. Kể từ ngày tháng 6 năm 2017 cho đến nay, ông T không thanh toán tiếp số tiền gốc và lãi đến hạn. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP Đ. Do đó, căn cứ các điều 471, 473 Bộ

luật Dân sự năm 2005 và các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn Bùi Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 01/10/2019 là 23.650.784 đồng (tiền gốc 17.470.000 đồng, tiền lãi trong hạn 5.064.732 đồng, tiền lãi quá hạn 1.116.052 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: XYZ ngày 27/01/2015 là phù hợp. Kể từ ngày 02/10/2019, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả tất nợ cho ngân hàng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $23.650.784 \text{ đồng} \times 5\% = 1.182.500 \text{ đồng}$ (làm tròn); Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 471 và Điều 473 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với bị đơn ông Bùi Văn T, cụ thể:

Buộc ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 01/10/2019 là 23.650.784 (hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, bảy trăm tám mươi bốn) đồng, trong đó: tiền gốc 17.470.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.064.732 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.116.052 đồng), theo Hợp đồng tín dụng số: XYZ ngày 27/01/2015.

Kể từ ngày 02/10/2019, ông Bùi Văn T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: XYZ ngày 27/01/2015 cho đến khi trả tất nợ cho ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà ông Bùi Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

2. Án phí:

Ông Bùi Văn T có nghĩa vụ chịu số tiền 1.182.500 (một triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 572.000 (năm trăm bảy mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003749 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Ngân hàng TMCP Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- CCTHADS huyện Mô Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Thị Thanh Như